

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Duy Cảnh và bà Chế Thị Mai.

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 106/2021/TLST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2021.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1961 và bà Cao Thị Nh, sinh năm 1969.

Cùng địa chỉ: Số 532 Ph, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Cao Thị Nh: Ông Nguyễn Văn H (Theo văn bản ủy quyền ngày 09/4/2021).

Bị đơn:

- Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1976 và bà Trần Thị Bích H, sinh năm 1982, sinh năm 1982; Cùng địa chỉ: Hẻm 05, đường N, thôn K, phường Tr, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

- Ông Nguyễn Thành L và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1973; Cùng địa chỉ: Hẻm 05, đường N, thôn K, phường Tr, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1966; Địa chỉ: Số 125 N, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn T: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1976; Địa chỉ: Hẻm 05, đường N, thôn K, phường Tr, thành phố K, tỉnh Kon Tum. (Theo văn bản ủy quyền ngày 06/5/2022).

- Ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Mai Ch, sinh năm 1966.

Cùng địa chỉ: Số 104 H, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn D: Bà Nguyễn Thị Mai Ch (Theo văn bản ủy quyền ngày 08/7/2021).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Giữa nguyên hiện trạng đất các hộ đang sử dụng cụ thể như sau:

2.1.1: Thửa đất mang tên bà Thân Thị Nh (*Thay đổi biến động vào ngày 08/5/2010 mang tên bà Nguyễn Thị Mai Ch*): Thửa đất số 31, tờ bản đồ số 2, diện tích 196,7m², Địa chỉ: Thôn K, phường Tr, thành phố K, tỉnh Kon Tum, có vị trí như sau: Từ tìm đường hẻm 05 Nguyễn Cảnh Ch (2,5m) đến cổng nhà bà Nguyễn Thị Mai Ch (W,H), cụ thể:

- Phía Đông cạnh (H,L) giáp đất ông Nguyễn Văn B dài 39m.
- Phía Tây cạnh (W,M) giáp đất trống dài 39m.
- Phía Nam cạnh (W,H) giáp đường hẻm 05 Nguyễn Cảnh Ch dài 05m.
- Phía Bắc cạnh (M,L) giáp đất theo hiện trạng ông Nguyễn Văn H 5,1m.

2.1.2: Thửa đất mang tên ông Nguyễn Văn B: Thửa đất số 32, tờ bản đồ số 2, diện tích 195,1m², địa chỉ: Địa chỉ: Thôn K, phường Tr, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Có vị trí như sau: Từ tìm đường hẻm 05 Nguyễn Cảnh Ch (2,5m) đến cổng nhà ông Nguyễn Văn B (H, X), cụ thể:

- Phía Đông cạnh (X,K) giáp đất ông Nguyễn Văn T dài 39m.
- Phía Tây cạnh (H,L) giáp đất bà Nguyễn Thị Mai Ch dài 39m.
- Phía Nam cạnh (H,X) giáp đường hẻm 05 Nguyễn Cảnh Ch dài 05m.
- Phía Bắc cạnh (L,K) giáp đất theo hiện trạng ông Nguyễn Văn H 5m.

2.1.3: Thửa đất mang tên ông Nguyễn Văn T: Thửa đất số 33, tờ bản đồ số 2, diện tích 194,6m², địa chỉ: Thôn K, phường Tr, thành phố K, tỉnh Kon Tum, có vị trí như sau: Từ tìm đường hẻm 05 Nguyễn Cảnh Ch (2,5m) đến cổng nhà ông Nguyễn Văn T(X,V), cụ thể:

- Phía Đông cạnh (I,V) giáp đất bà Nguyễn Thị Th dài 38,8m.
- Phía Tây cạnh (K,X) giáp đất ông Nguyễn Văn B dài 39m.
- Phía Nam cạnh (X,V) giáp đường hẻm 05 Nguyễn Cảnh Ch dài 05m.
- Phía Bắc cạnh (K,I) giáp đất theo hiện trạng ông Nguyễn Văn H 5m.

2.1.4: Thửa đất mang tên bà Nguyễn Thị Th: Thửa đất số 34, tờ bản đồ số 2, diện tích 193,8m²; Địa chỉ: Thôn K, phường Tr, thành phố K, tỉnh Kon Tum, có vị trí như sau: Từ tìm đường hẻm 05 Nguyễn Cảnh Ch (2,5m) đến cổng nhà bà Nguyễn Thị Th (V,U), cụ thể:

- Phía Đông cạnh (U,H) giáp đất trống dài 38,6m.
- Phía Tây cạnh (V,I) giáp đất ông Nguyễn Văn T dài 38,8m.
- Phía Nam cạnh (V,U) giáp đường hẻm 05 Nguyễn Cảnh Ch dài 05m.
- Phía Bắc cạnh (I,H) giáp đất theo hiện trạng ông Nguyễn Văn H dài 5m

(Toàn bộ các thửa đất trên các hộ đang sử dụng có Sơ đồ trích đo do Công ty TNHH MTV Trắc Địa Tín Nghi đo đạc ngày 28/4/2022 kèm theo)

2.2. Về chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá Tsản là 21.000.000 đồng (*Hai mươi mốt triệu đồng*). Các đương sự thỏa thuận mỗi hộ chịu 4.200.000 đồng.

Cụ thể: Ông Nguyễn Văn H và bà Cao Thị Nh chịu 4.200.000 đồng (*Bốn triệu hai trăm nghìn đồng*).

Ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị Bích H chịu 4.200.000 đồng (*Bốn triệu hai trăm nghìn đồng*). Số tiền này ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị Bích H hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn H và bà Cao Thị Nh.

Ông Nguyễn Thành L và bà Nguyễn Thị Th chịu 4.200.000 đồng (*Bốn triệu hai trăm nghìn đồng*). Số tiền này ông Nguyễn Thành L và bà Nguyễn Thị Th hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn H và bà Cao Thị Nh,

- Ông Nguyễn Văn T chịu 4.200.000 đồng (*Bốn triệu hai trăm nghìn đồng*). Số tiền này ông Nguyễn Văn T hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn H và bà Cao Thị Nh.

- Ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Mai Ch chịu 4.200.000 đồng (*Bốn triệu hai trăm nghìn đồng*). Số tiền này ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Mai Ch hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn H và bà Cao Thị Nh.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm :

Áp dụng khoản 3 Điều 144 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 8 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị Bích H chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Ông Nguyễn Thành L và bà Nguyễn Thị Th chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

- Ông Nguyễn Văn T chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

- Ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Mai Ch chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn H và bà Cao Thị Nh 528.000 đồng (*Năm trăm hai mươi tám nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số: 0005062 ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Kon Tum.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Kon Tum;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương